

Số: 3183 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 16 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, cung cấp số liệu, thông tin
phương tiện kỹ thuật dự bị của nền kinh tế quốc dân năm 2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương;*

Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Lực lượng dự bị động viên ngày 26/11/2019;

*Căn cứ Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ về
quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời
gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ về
quy định ngành, nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu của Quân đội nhân dân đối
với công dân nữ trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự; công dân thuộc diện
miễn gọi nhập ngũ thời chiến và huấn luyện binh sĩ dự bị hạng hai;*

*Căn cứ Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ quy
định Danh mục phương tiện kỹ thuật dự bị và việc đăng ký, quản lý phương tiện
kỹ thuật dự bị;*

*Xét đề nghị của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại Tờ trình số 2936/BCH-TM
ngày 09/12/2020,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng đăng ký nghĩa vụ quân sự

Tất cả công dân nam, công dân nữ ở lứa tuổi theo quy định dưới đây phải đến Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã (nơi có hộ khẩu thường trú) để đăng ký nghĩa vụ quân sự năm 2021; Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở thực hiện thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự cho công dân làm việc, học tập tại cơ quan tổ chức mình quản lý.

1. Công dân nam

a) Đăng ký độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ: công dân nam đủ 17 tuổi trở lên và trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự chưa đăng ký nghĩa vụ quân sự.



b) Đăng ký quân nhân dự bị hạng 1: Hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ đã phục vụ tại ngũ đủ 06 tháng trở lên; Hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ đã qua chiến đấu; công dân nam thôi phục vụ trong Công an nhân dân, đã có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên; công dân nam là quân nhân chuyên nghiệp thôi phục vụ tại ngũ; công dân nam là công nhân, viên chức Quốc phòng được chuyển chế độ từ hạ sĩ quan, binh sĩ đã thôi việc; Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ; công dân là binh sĩ dự bị hạng hai đã qua huấn luyện tập trung đủ 06 tháng trở lên; công dân hoàn thành nhiệm vụ tham gia Công an xã liên tục từ đủ 36 tháng trở lên.

c) Đăng ký quân nhân dự bị hạng 2: công dân nam là binh sĩ xuất ngũ, đã phục vụ tại ngũ dưới 06 tháng; công dân nam thôi phục vụ trong Công an nhân dân đã có thời gian phục vụ dưới 12 tháng; công dân nam hết độ tuổi gọi nhập ngũ chưa phục vụ tại ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân từ 26 tuổi đến hết 45 tuổi (sinh năm 1995 đến năm 1976), riêng công dân nam có trình độ cao đẳng, đại học từ 28 tuổi đến hết 45 tuổi (sinh năm 1993 đến năm 1976).

2. Công dân nữ: độ tuổi từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi (sinh năm 2003 đến năm 1981) có ngành, nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu của Quân đội nhân dân.

Điều 2. Cung cấp số liệu phương tiện kỹ thuật dự bị

Các cơ quan chức năng (Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông) chỉ đạo cơ quan thuộc quyền cung cấp số liệu, thông tin về phương tiện kỹ thuật dự bị của nền kinh tế quốc dân cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (qua Ban CHQS các huyện, thị xã, thành phố) nơi cư trú của chủ phương tiện hoặc nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở theo Mẫu biểu quy định tại Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ quy định Danh mục phương tiện kỹ thuật dự bị và việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị.

Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức báo cáo, cung cấp thông tin phương tiện kỹ thuật dự bị cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (qua Ban CHQS các huyện, thị xã, thành phố) nơi cư trú của chủ phương tiện hoặc nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở quy định tại Khoản 8, Khoản 9 Điều 4 Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ quy định Danh mục phương tiện kỹ thuật dự bị và việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị.

Điều 3. Thời gian đăng ký

1. Ngày **01/01/2021**: Chỉ huy trưởng xã, phường, thị trấn phối hợp với Trưởng Công an cùng cấp trong toàn tỉnh lập danh sách nguồn công dân trong diện đăng ký nghĩa vụ quân sự (đối chiếu hộ khẩu của gia đình công dân) và báo cáo về Ban CHQS huyện, thị xã, thành phố trước ngày **30/01/2021**.

2. Từ ngày **15/01/2021** đến **31/01/2021**: các cơ quan chức năng (Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông), UBND các xã, phường, thị trấn tổng hợp số và cung cấp số liệu, thông tin phương tiện kỹ thuật dự bị của nền kinh tế quốc dân cho

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (qua Ban CHQS các huyện, thị xã, thành phố) bằng văn bản kèm theo file (số liệu tính đến hết ngày 31/12 hằng năm).

3. Thời gian đăng ký nghĩa vụ quân sự từ ngày **01/4/2021** đến ngày **30/4/2021**.

4. Cơ quan quân sự các cấp phối hợp với cơ quan Văn hóa, Thông tin - Truyền thông, các ban, ngành, đoàn thể, Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước tổ chức tuyên truyền, động viên công dân trong lứa tuổi nói trên đăng ký đúng thời hạn quy định.

5. Cơ quan Công an các cấp có trách nhiệm: phối hợp với cơ quan Quân sự địa phương và các cơ quan liên quan khác kiểm tra, xử lý những tổ chức, cá nhân vi phạm những quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự và phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân.

Điều 4. Giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh hướng dẫn đăng ký cụ thể triển khai thực hiện, tổng hợp kết quả đăng ký nghĩa vụ quân sự và phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân năm 2021 (báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15/5/2021).

Điều 5. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; công dân nam, công dân nữ trong lứa tuổi quy định và chủ phương tiện kỹ thuật có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bình Phước có trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- VPCP, Bộ Quốc Phòng;
- Bộ Tư Lệnh QK7;
- TTTU, TT.HĐND, UBMTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh;
- Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các DNNN, DNTN, CTy tư nhân, CTy cổ phần và các đơn vị kinh doanh đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Như Điều 5;
- LĐVP, P. Nội chính;
- Lưu: VT, CV269-20, D_{10/12}



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền